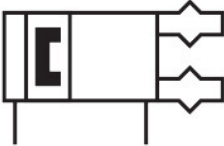
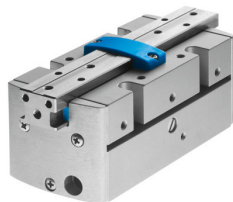


# Xy lanh kẹp loại song song HGPP-25-A

Số bộ phận: 525661

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                   | 25                                                            |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                  | 10 mm                                                         |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                                 | 0.1 mm                                                        |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rìu, ay                           | 0 °                                                           |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                       | 0 mm                                                          |
| đối xứng quay                                                | 0.05 mm                                                       |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                                     | 0.02 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                                  | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                          | khí nén                                                       |
| Nguyên tắc vận hành                                          | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                                | Song song                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                                     | không có                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                            | Thanh răng/bánh răng                                          |
| Phát hiện vị trí                                             | cho cảm biến Hall<br>cho cảm biến cảm ứng                     |
| Áp suất vận hành                                             | 2 bar...8 bar                                                 |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                               | 4 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)             | 64 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 92 ms                                                         |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài            | 250 g                                                         |
| Môi chất vận hành                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                         | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                                | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                               | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)                | 500 N                                                         |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 500 N                                                         |
| Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)   | 250 N                                                         |
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 250 N                                                         |
| Mô-men quán tính khối lượng                                  | 16.68 kgcm <sup>2</sup>                                       |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                              | 380 N                                                         |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh          | 21 N m                                                        |

| Đặc tính                               | Giá trị                         |
|----------------------------------------|---------------------------------|
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tính | 21 N m                          |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tính | 21 N m                          |
| trọng lượng sản phẩm                   | 884 g                           |
| Kiểu gắn                               | với ren trong                   |
| Cổng nối khí nén                       | M5                              |
| Ghi chú vật liệu                       | Tuân thủ RoHS                   |
| Vật liệu nắp che                       | POM                             |
| Vật liệu vỏ                            | Hợp kim nhôm rèn, hóa anốt cứng |
| Hàm kẹp vật liệu                       | Hợp kim nhôm rèn, mạ niken      |